

Số 06 /2008/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức trong xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện trong phạm vi tỉnh Đồng Nai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg ngày 23/9/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2127/TTr-STC-SKHCN ngày 11 tháng 12 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định định mức trong xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trong phạm vi tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài Chính;
- Vụ pháp chế Bộ KH&CN;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- TT Công báo;
- Sở Tư pháp;
- Chánh phó, Văn phòngCNN;
- Lưu : VT, CNN, KT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quốc Thái

QUY ĐỊNH

Định mức trong xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trong phạm vi tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 06../2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với: Các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước (bao gồm đề tài, dự án cấp tỉnh, đề tài, dự án cấp Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa; đề tài, dự án cấp huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa, đề tài, dự án các Ban Đảng, các Hội đoàn thể - dưới đây viết tắt là đề tài, dự án KH&CN); các hoạt động phục vụ công tác quản lý các đề tài, dự án KH&CN của cơ quan có thẩm quyền.

Các định mức chi, lập dự toán khác của đề tài, dự án KH&CN không quy định cụ thể tại quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề tài nghiên cứu khoa học: Là một nhiệm vụ KH&CN nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế, được thể hiện dưới các hình thức: Đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

2. Dự án sản xuất thử nghiệm (dự án SXTN): Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế-xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống

3. Dự án khoa học và công nghệ (dự án KH&CN): Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học và một số dự án sản xuất thử nghiệm gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

4. Chuyên đề khoa học: Là một vấn đề khoa học cần giải quyết trong quá trình nghiên cứu của một đề tài, dự án KH&CN, nhằm xác định những luận điểm khoa học và chứng minh những luận điểm này bằng những luận cứ khoa học, bao gồm luận cứ lý thuyết (cơ sở lý luận) và luận cứ thực tế (là kết quả khảo sát, điều tra, thí nghiệm, thực nghiệm do chính tác giả thực hiện hoặc trích dẫn công trình của các đồng nghiệp khác).

Chuyên đề khoa học được phân thành 2 loại dưới đây:

a) Loại 1: Chuyên đề nghiên cứu lý thuyết bao gồm các hoạt động thu thập và xử lý các thông tin, tư liệu đã có, các luận điểm khoa học đã được chứng minh là đúng, được khai thác từ các tài liệu, sách báo, công trình khoa học của những người đi trước, hoạt động nghiên cứu-thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, từ đó đưa ra những luận cứ cần thiết để chứng minh luận điểm khoa học. Nội dung của một chuyên đề loại 1, bao gồm: thu thập xử lý số liệu, tài liệu liên quan; điều tra khảo sát; phỏng vấn, lấy ý kiến chuyên gia; tọa đàm; các hoạt động trong phòng thí nghiệm để chứng minh luận điểm khoa học; xây dựng báo cáo chuyên đề; xây dựng báo cáo phân tích...

b) Loại 2: Chuyên đề nghiên cứu lý thuyết kết hợp triển khai thực nghiệm, ngoài các hoạt động như chuyên đề loại 1 nêu trên còn bao gồm các hoạt động điều tra, phỏng vấn, khảo cứu, khảo nghiệm, thực nghiệm trong thực tế nhằm đối chứng, so sánh, phân tích, đánh giá để chứng minh luận điểm khoa học. Nội dung của một chuyên đề loại 2, bao gồm: thu thập xử lý số liệu tài liệu liên quan; điều tra khảo sát; phỏng vấn, lấy ý kiến chuyên gia; tọa đàm; bố trí thí nghiệm, thực nghiệm, khảo cứu khảo nghiệm; so sánh, phân tích, đánh giá để chứng minh luận điểm khoa học; xây dựng báo cáo chuyên đề; xây dựng báo cáo phân tích...

5. Chuyên gia: Là người có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu, tối thiểu có 05 năm kinh nghiệm về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án; nắm vững cơ chế quản lý KH&CN; có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, chuyển giao và áp dụng các kết quả KH&CN vào thực tế sản xuất; có uy tín chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

6. Thư ký khoa học: Là thành viên của một trong các Hội đồng tư vấn xác định danh mục, tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ, có trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng điều hành và kết luận cuộc họp, ghi biên bản cuộc họp và hoàn chỉnh hồ sơ cuộc họp.

7. Thư ký hành chính: Không phải là thành viên của Hội đồng tư vấn, là người giúp việc, chuẩn bị các điều kiện làm việc thuận lợi cho các buổi họp của Hội đồng, mời thành viên Hội đồng tham dự buổi họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến đề tài, dự án, chuẩn bị phòng họp, in ấn, sao chụp tài liệu, giúp thư ký khoa học tính điểm đánh giá của Hội đồng.

8. Cơ quan có thẩm quyền quản lý đề tài, dự án: Là cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ; Xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện; xét duyệt nội dung và kinh phí; kiểm tra và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài, dự án.

9. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án: Là tổ chức có tư cách pháp nhân được cơ quan quản lý có thẩm quyền giao nhiệm vụ và kinh phí để thực hiện đề tài, dự án.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung chi các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN

1. Chi công tác tư vấn: Xác định đề tài, dự án KH&CN; tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án KH&CN, bao gồm chi công lao động khoa học của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các hồ sơ đề tài, dự án, thẩm định nội dung và tài chính của đề tài, dự án; chi họp các hội đồng tư vấn; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia công tác tư vấn.

2. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu kết quả của đề tài dự án ở cấp quản lý đề tài, dự án, bao gồm chi công khảo nghiệm kết quả của các đề tài, dự án, chi công lao động của các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả của các đề tài, dự án; chi các cuộc họp của đoàn kiểm tra, tổ chuyên gia thẩm định, hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có), hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu; chi phí đi lại, ăn ở của các chuyên gia ở xa được mời tham gia đánh giá giữa kỳ, đánh giá nghiệm thu.

3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền đối với đề tài, dự án KH&CN.

Điều 4. Nội dung chi của các đề tài, dự án KH&CN :

1. Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án, bao gồm:

- Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện các đề tài, dự án KH&CN, như: Nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu các quy trình công nghệ, giải pháp KH&CN, thiết kế, chế tạo thử nghiệm; nghiên cứu lý thuyết các luận cứ trong khoa học xã hội và nhân văn; thực hiện, theo dõi thí nghiệm, phân tích mẫu; điều tra khảo sát, thiết kế phiếu điều tra; xử lý, phân tích số liệu điều tra khảo sát, điều tra xã hội học; viết các phần mềm máy tính; báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án, báo cáo kiến nghị; chi hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Chi công lao động khác phục vụ triển khai đề tài, dự án;

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, tài liệu chuyên môn, các loại xuất bản phẩm, dụng cụ, bảo hộ lao động phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

- Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án;

- Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của đề tài, dự án.

- Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, dự án theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp.

- Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của đề tài, dự án.

4. Các khoản chi về: Công tác phí trong nước; đoàn ra, đoàn vào; hội nghị, hội thảo chung của đề tài, dự án; văn phòng phẩm, in ấn; dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài; quản lý chung của đơn vị chủ trì (bao gồm trả công lao động gián tiếp phục vụ triển khai đề tài, dự án, trả tiền điện nước, cước phí văn thư, điện thoại văn phòng; tiền sử dụng phương tiện làm việc của cơ quan chủ trì,); nghiệm thu cấp cơ sở (nghiệm thu nội bộ, bao gồm cả nội dung chi cho chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu); đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu khoa học-phát triển công nghệ; chi quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến thương mại (nếu có) đối với sản phẩm của đề tài, dự án; một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến đề tài, dự án.

Điều 5. Các khung định mức phân bổ ngân sách:

1. Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN:

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi theo nội dung thuê khoán chuyên môn		Ghi chú
			Thuê khoán chuyên môn >100 triệu đồng	Thuê khoán chuyên môn ≤100 triệu đồng	
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN				
a	Xây dựng đề bài được duyệt của đề tài, dự án để công bố.	Đề tài, dự án	1.500	1.000	
b	Họp Hội đồng KH&CN cấp tỉnh, Hội đồng xác định đề tài, dự án				
-	Chủ tịch Hội đồng		300	300	
-	Thành viên, thư ký khoa học		200	200	
-	Thư ký hành chính		150	150	
-	Đại biểu được mời tham dự		70	70	
c	Nhận xét, chấm điểm	Đề tài	50	50	
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì				
a	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện				
-	Nhiệm vụ có tới 03 hồ sơ đăng	01 Hồ sơ	450	300	

	ký				
-	Nhiệm vụ có từ 4 đến 6 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	400	300	
-	Nhiệm vụ có trên 7 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	360	240	
b	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng				
-	Nhiệm vụ có đến 03 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	300	200	
-	Nhiệm vụ có từ 4 đến 06 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	270	180	
-	Nhiệm vụ có trên 07 hồ sơ đăng ký	01 Hồ sơ	250	160	
c	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án				
-	Chủ tịch Hội đồng		300	200	
-	Thành viên, thư ký khoa học		200	150	
-	Thư ký hành chính		150	100	
-	Đại biểu được mời tham dự		70	70	
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án				
-	Tổ trưởng tổ thẩm định	Đề tài, dự án	250	200	
-	Thành viên tham gia thẩm định	Đề tài, dự án	200	150	
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu giữa kỳ (sơ kết) ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN				
a	Nhận xét đánh giá				
-	Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài, dự án	800		
-	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, dự án	500		
b	Họp Hội đồng nghiệm thu giữa kỳ (sơ kết)	Đề tài, dự án			
-	Chủ tịch Hội đồng		300		
-	Phó Chủ tịch Hội đồng		250		
-	Thành viên, thư ký khoa học		200		
-	Thư ký hành chính		150		
-	Đại biểu được mời tham dự		70		
c	Kiểm tra thực tế	Đề tài, dự án			
	Chuyên gia, thành viên phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả,	Báo cáo	800		Yêu cầu đi kiểm

	sản phẩm (Số lượng chuyên gia do cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).				tra tại hiện trường và có bài nhận xét
d	Họp tổ chuyên gia (nếu có)	Buổi họp			
-	Tổ trưởng		200	150	
-	Thành viên		150	100	
-	Đại biểu được mời tham dự		70	50	
5	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức ở cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN				
a	Nhận xét đánh giá	Bài nhận xét			
-	Nhận xét đánh giá của phản biện		1.000	700	
-	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng		600	420	
b	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu ở cấp quản lý. (Số lượng chuyên gia cấp có thẩm quyền quyết định, nhưng không quá 05 chuyên gia/đề tài, dự án).	Báo cáo	1000	700	Yêu cầu đi kiểm tra tại hiện trường và có bài nhận xét
c	Họp Tổ chuyên gia (nếu có)	Đề tài, dự án			
-	Tổ trưởng		250	200	
-	Thành viên		200	150	
-	Đại biểu được mời tham dự		70	70	
d	Họp Hội đồng nghiệm thu chính thức	Đề tài, dự án			
-	Chủ tịch Hội đồng	Buổi	400	280	
-	Thành viên, thư ký khoa học	Buổi	300	200	
-	Thư ký hành chính	Buổi	150	100	
-	Đại biểu được mời tham dự	Buổi	70	70	
6.	Chi phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN	Đề tài, dự án/năm	3.000	3.000	

2. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án KH&CN:

Đơn vị: 1000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi theo nội dung thuê khoán chuyên môn		Ghi chú
			Thuê khoán chuyên môn >100 triệu đồng	Thuê khoán chuyên môn ≤100 triệu đồng	
1	Xây dựng thuyết minh chi tiết được duyệt	Đề tài, dự án	2.000	1.400	
2	Chuyên đề nghiên cứu xây dựng quy trình KHCN và khoa học tự nhiên (chuyên đề xây dựng theo sản phẩm của đề tài, dự án)	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		10.000	7.000	
	- Chuyên đề loại 2		30.000	21.000	
3	Chuyên đề nghiên cứu trong lĩnh vực KHXH và nhân văn	Chuyên đề			
	- Chuyên đề loại 1		8.000	6.000	
	- Chuyên đề loại 2		12.000	8.000	
4	Báo cáo tổng thuật tài liệu của đề tài, dự án		3.000	2.000	
5	Lập mẫu phiếu điều tra; - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu mẫu được duyệt	500 500 1.000	350 350 700	
6	Cung cấp thông tin : - Trong nghiên cứu KHCN - Trong nghiên cứu KHXH và nhân văn: + Đến 30 chỉ tiêu + Trên 30 chỉ tiêu	Phiếu	50 50 70	50 50 70	
7	Báo cáo xử lý, phân tích số liệu điều tra	Đề tài, dự án	4.000	3.000	
8	Báo cáo khoa học tổng kết đề tài, dự án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)	Đề tài, dự án	12.000	8.500	
9	Hội thảo khoa học	Buổi hội			

		thảo			
	- Người chủ trì		200	200	
	- Thư ký hội thảo		100	100	
	- Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng		500	500	
	- Đại biểu được mời tham dự		70	70	
10	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	1.000	700	
11	Quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (trong đó có chi thù lao trách nhiệm cho thư ký và kế toán của đề tài, dự án theo mức do chủ nhiệm đề tài quyết định).	Năm	15.000	10.500	

Đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ: Các định mức quy định tại Quy định này để thống nhất việc xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách đối với các đề tài, dự án và định hướng chi; khi tiến hành chi và kiểm soát chi thực hiện theo quy định về chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKH&CN ngày 04/10/2006 của liên Bộ Tài chính- Bộ Khoa học và Công nghệ.

Đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền: Các định mức quy định tại Quy định này là định mức chi tối đa.

Chương III **LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT KINH PHÍ**

Điều 6. Xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN

Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, Thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa: Căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn các đề tài, dự án KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các đề tài, dự án KH&CN trong năm và khung định mức chi quy định tại Quy định này để xây dựng dự toán và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của Sở KH&CN hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương cùng với thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Xây dựng dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN

1. Căn cứ:

a) Các nội dung nghiên cứu, khối lượng công việc cần triển khai để đạt được mục tiêu và sản phẩm của đề tài, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các định mức kinh tế-kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, các khung định mức phân bổ ngân sách quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu:

a) Dự toán kinh phí của đề tài, dự án được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các sản phẩm cụ thể của đề tài, dự án.

b) Cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ, đơn vị chủ trì có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN xem xét phê duyệt.

Điều 8. Thẩm tra và phê duyệt dự toán của đề tài, dự án KH&CN:

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế-kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, cấp Sở ngành, cấp huyện, thị xã Long Khánh và tp. Biên Hòa, các ban Đảng, Hội đoàn thể có dự toán kinh phí được xây dựng từ 300 triệu đồng trở lên (đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 600 triệu đồng trở lên (đối với các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ); hoặc các đề tài, dự án phức tạp, căn cứ xây dựng dự toán chưa rõ và các đề tài, dự án khác mà cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thấy cần thiết phải có tổ thẩm định dự toán kinh phí thì:

a) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án KH&CN thành lập Tổ thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN (bao gồm các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực KH&CN của đề tài, dự án KH&CN, các chuyên gia kinh tế/ chuyên gia tài chính và các nhà doanh nghiệp có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực liên quan đến đề tài, dự án KH&CN cần thẩm định);

b) Tổ thẩm định căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn (hoặc Hội đồng xét duyệt thuyết minh đề tài, dự án KH&CN) tư vấn cho thủ trưởng cơ quan quản lý đề tài, dự án KH&CN về tổng kinh phí cần thiết để triển khai đề tài, dự án KH&CN phù hợp với các nội dung được phê duyệt, số kinh phí cần thiết hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tính khả thi về thị trường, hiệu quả dự kiến đối với sản phẩm tạo ra của đề tài, dự án KH&CN.

Điều 9. Giao dự toán và quyết toán kinh phí:

1. Giao dự toán: Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN được cơ quan có thẩm quyền giao, các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, Thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa, các Ban Đảng, Hội đoàn thể thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc như sau:

+ Dự toán chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án KH&CN: Giao dự toán về các đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động này.

+ Dự toán chi thực hiện đề tài, dự án KH&CN: Giao dự toán về các đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

2. Về quyết toán kinh phí: Thực hiện theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 10. Kinh phí của đề tài, dự án phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, không chi cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với các đề tài, dự án.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, Thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa, các Ban Đảng, Hội đoàn thể căn cứ Quy định này để xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Khi tiền lương tối thiểu chung của Nhà nước được cấp có thẩm quyền điều chỉnh tăng thêm trên 50% so với mức lương tối thiểu chung quy định tại Nghị định số 94/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu chung hoặc khi thay đổi phương pháp xác định dự toán kinh phí của đề tài, dự án, được liên Bộ Tài chính - Bộ KH&CN điều chỉnh, sửa đổi bổ sung định mức phân bổ ngân sách đối với các đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước thì UBND tỉnh sẽ xem xét sửa đổi cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa phản ánh về UBND tỉnh để xử lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quốc Thái